

Tác động của môi trường kinh doanh đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp ngành du lịch

NGUYỄN CHÍ TRANH*

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm đánh giá tác động của các yếu tố thành phần của môi trường kinh doanh đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp du lịch thông qua phân tích dữ liệu thu thập được từ 350 nhà quản trị, giám đốc các doanh nghiệp du lịch tại 4 tỉnh/thành phố của Việt Nam là: Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu là minh chứng và căn cứ để hoàn thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp ngành du lịch Việt Nam.

Từ khóa: doanh nghiệp du lịch, hiệu quả kinh doanh, môi trường kinh doanh

Summary

By analyzing data collected from 350 administrators, directors of tourism enterprises in four provinces of Vietnam comprising Ha Noi, Hai Phong, Hue, Da Nang, Ho Chi Minh City, this study aims to assess the impact of business environment on the performance of those enterprises. The result is a basis to improve business environment for aforementioned firms.

Keywords: tourism enterprises, performance, business environment

GIỚI THIỆU

Các doanh nghiệp trong ngành du lịch còn rất non trẻ trong việc vận hành hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh. Hơn nữa, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp này còn chịu tác động bởi môi trường kinh doanh. Vì vậy, việc xem xét các yếu tố của môi trường kinh doanh tác động đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp du lịch là rất quan trọng.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu đề xuất

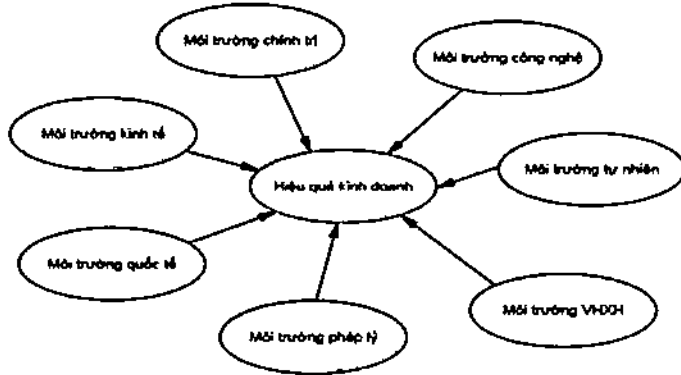
Alexander (2000) cho rằng, sự thay đổi của các chính sách chính trị có ảnh hưởng mạnh tới hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Chính sách ít thay đổi, hoặc sự thay đổi trong chính sách dễ dàng dự đoán thì hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp sẽ càng cao. Thêm vào đó, nếu chính phủ có nhiều chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp thì sẽ tạo động lực cho các doanh nghiệp phát triển.

Trong khi đó, Adcoye, Abayomi Olarewaju (2012) cho rằng, yếu tố môi trường công nghệ có tác động dương tới hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Theo đó, nếu quốc gia nào có đầu tư nghiên cứu phát triển tăng mạnh, có nhiều viện nghiên cứu, cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ hiện đại, thì sẽ có động lực mạnh mẽ để doanh nghiệp phát triển. Yếu tố công nghệ được phản ánh trong môi trường kinh doanh thông qua các thành phần, như: Trình độ phát triển công nghệ;

* ThS., Trường Đại học Quy Nhơn | Email: chitranhnguyen@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/01/2017; Ngày phản biện: 13/03/2017; Ngày duyệt đăng: 15/03/2017

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



BẢNG 1: TỔNG HỢP HỆ SỐ CRONBACH'S ALPHA CỦA CÁC BIẾN

STT	Tên biến	Hệ số Cronbach's Alpha
1	Môi trường pháp lý (leg)	0.703
2	Môi trường kinh tế (eco)	0.810
3	Môi trường tự nhiên (env)	0.713
4	Môi trường chính trị (pol)	0.808
5	Môi trường quốc tế (gol)	0.769
6	Môi trường văn hóa - xã hội (soc)	0.760
7	Môi trường công nghệ (tech)	0.717
8	Hiệu quả kinh doanh (eff)	0.759

BẢNG 2: MA TRẬN XOAY NHÂN TỐ

	Rotated Component Matrix*								
	Component								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
eco3	.730								
eco4	.708								
eco2	.633								
eco5	.624								
eco1	.616								
gob2		.712							
gob3		.683							
gob1		.570							
gob4		.567							
pol7			.750						
pol6			.731						
pol4			.545						
soc6				.624					
soc2				.575					
leg1					.765				
leg2					.712				
leg3					.647				
eff4						.836			
eff3						.833			
eff2						.632			
tec3							.778		
tec4							.622		
tec2							.555		
pol2								.756	
pol1								.741	
pol3								.553	
env3									.607
env2									.592
env1									.520

Extraction Method: Principal Component Analysis.
 Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.
 a. Rotation converged in 18 iterations.

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

Hạ tầng công nghệ (nền tảng kiến thức khoa học kỹ thuật và công nghệ, tốc độ đổi mới công nghệ); Hệ thống chính sách phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ; Lực lượng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ; Hệ thống các cơ quan nghiên cứu và triển khai công nghệ và văn hóa công nghệ.

Nghiên cứu của Ogundele, O. J. K và Opeifa, A. Z. (2004) cho rằng, môi trường sinh thái có tác động dương tới hiệu quả của các doanh nghiệp.

Cũng có chung quan điểm trên, Vũ Khắc Chương (2015) nhận định rằng, thành phần "môi trường sinh thái" gồm những ràng buộc xã hội về môi trường, xử lý chất thải, chống ô nhiễm môi trường, (các yếu tố này thể hiện trong mô hình nghiên cứu là môi trường tự nhiên)... lại có ảnh hưởng mạnh mẽ tới hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch, lữ hành. Sự hài lòng của khách du lịch chịu ảnh hưởng nhiều bởi sự trong sạch của môi trường ở điểm du lịch. Đặc biệt, trong điều kiện ngày nay, khi môi trường ô nhiễm đang là vấn nạn của nhiều quốc gia, thì việc bảo vệ môi trường đặc biệt được quan tâm. Theo nghiên cứu của Vũ Khắc Chương, để bảo vệ môi trường, tạo điều kiện phát triển du lịch, thì các quốc gia cần có luật môi trường hoàn thiện, các chính phủ cần quan tâm tới việc tuyên truyền cho người dân có ý thức bảo vệ môi trường. Khi xảy ra các sự cố môi trường, các cơ quan quản lý nhà nước cần có biện pháp xử lý nhanh chóng.

Dựa vào các lý thuyết trên, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu như Hình- Từ mô hình nghiên cứu đề xuất, chúng tôi đưa ra các giả thuyết nghiên cứu:

H1: Môi trường pháp lý ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch, lữ hành.

H2: Môi trường kinh tế ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch, lữ hành.

H3: Môi trường tự nhiên ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch, lữ hành.

H4: Môi trường chính trị ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch, lữ hành.

H5: Môi trường quốc tế ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch, lữ hành.

H6: Môi trường văn hóa - xã hội ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch, lữ hành.

H7: Môi trường công nghệ ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch, lữ hành.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả dựa trên khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn chuyên sâu đối với 350 nhà quản trị, giám đốc của các công ty du lịch, lữ hành ở 4 tỉnh/thành phố của Việt Nam là: Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh từ tháng 10-12/2016. Sau khi làm sạch, còn lại 316 mẫu đạt tiêu chuẩn được nhập vào chương trình SPSS để xử lý (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân tích hệ số Cronbach's Alpha

Kết quả tính toán hệ số Cronbach's Alpha trong Bảng 1 cho thấy, các thang đo đều đảm bảo độ tin cậy, hệ số Cronbach's Alpha của các biến đều trên 0.7 và hệ số tương quan biến - tổng đều đạt trên 0.3. Như vậy, dữ liệu thu thập qua bảng hỏi của nghiên cứu hoàn toàn đủ độ tin cậy để tiến hành các bước phân tích tiếp theo.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích EFA là phương pháp phân tích thống kê nhằm rút gọn một tập nhiều biến quan sát phụ thuộc lẫn nhau thành một tập biến (nhân tố) ít hơn, có ý nghĩa hơn, nhưng vẫn chứa đựng đầy đủ nội dung thông tin của tập biến quan sát nghiên cứu. Có nhiều phương pháp trích nhân tố, tuy nhiên, phương pháp trích nhân tố sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp "Các thành phần chính" (Principal Components) với phép quay vuông góc (Varimax). Số lượng nhân tố được trích ra dừng lại ở giá trị eigenvalue lớn hơn 1. Kết quả phân tích EFA rút ra được 9 nhóm nhân tố. Kết quả được trình bày ở Bảng 2.

Cùng với việc phân tích nhân tố, kết quả của kiểm định KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) và kiểm định Bartlett cũng cần được quan tâm. Kết quả kiểm định được phản ánh trong Bảng 3.

Kết quả kiểm định cho thấy, Sig. = 0.000 < 5% (tương ứng với giá trị của KMO Test là 0.888), nên có thể bác bỏ giả thuyết gốc. Điều này cũng có nghĩa là có bằng chứng thống kê đủ mạnh chỉ ra rằng, sử dụng EFA là phù hợp cho việc phân tích số liệu.

BẢNG 3: KIỂM ĐỊNH KMO VÀ BARLETT

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.	.888	
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	5012.411
	df	703
	Sig.	.000

BẢNG 4: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY

Coefficients ^a						
Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	
	B	Std. Error	Beta			
1	(Constant)	3.720	.027		140.051	.000
	X1	.072	.027	.128	2.690	.008
	X2	.116	.027	.208	4.376	.000
	X3	.132	.027	.236	4.952	.000
	X4	.166	.027	.296	6.221	.000
	X5	-.007	.027	-.013	-.274	.784
	X6	.063	.027	.113	2.380	.018
	X7	.074	.027	.132	2.770	.006
	X8	.150	.027	.268	5.625	.000

a. Dependent Variable: EFF

BẢNG 5: PHÂN TÍCH ANOVA

ANOVA ^a						
Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	
1	Regression	30.022	8	3.753	16.833	.000 ^b
	Residual	68.442	307	.223		
	Total	98.464	315			

a. Dependent Variable: EFF

b. Predictors: (Constant), X8, X7, X6, X5, X4, X3, X2, X1

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

Phân tích hồi quy

Sau khi phân tích EFA, có 9 nhân tố được rút ra, tương ứng với 8 biến môi trường (riêng biến môi trường chính trị tạo ra 2 nhân tố: "Môi trường chính trị (pol) 1 thể hiện tác động của các chính sách của Chính phủ; biến "Môi trường chính trị (pol) 2 thể hiện sự minh bạch, ít quan liêu, tham nhũng của Chính phủ) và 1 biến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp: X1: Môi trường kinh tế (eco); X2: Môi trường quốc tế (gob); X3: Môi trường chính trị (pol) (các chính sách chính trị); X4: Môi trường văn hóa - xã hội (soc); X5: Môi trường pháp lý (leg); X6: Môi trường công nghệ (tech); X7: Môi trường chính trị (pol) 2 (sự minh bạch); X8: Môi trường tự nhiên (env); EFF: Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Để đánh giá vai trò cũng như tác động của các nhân tố môi trường lên biến phụ thuộc là hiệu quả kinh doanh, phương pháp phân tích hồi quy được sử dụng. Kết quả phân tích hồi quy được thể hiện trong Bảng 4.

Từ kết quả hồi quy cho thấy, các biến có tác động mạnh nhất tới hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp du lịch là: X4 (Môi trường văn hóa - xã hội), X8 (Môi trường tự nhiên), X3 (Môi trường chính trị 1), X2 (Môi trường quốc tế) tương ứng với hệ số beta chuẩn hóa lần lượt là 0.296, 0.268, 0.236, 0.208.

BẢNG 6: ĐÁNH GIÁ ĐỘ PHÙ HỢP CỦA MÔ HÌNH

Model Summary				
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate
1	.815 ^a	.664	.643	.47216322

a. Predictors: (Constant), X8, X7, X6, X5, X4, X3, X2, X1

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

Ngoài ra, biến X5 do có Sig. = 0.784 > 5% nên bị bác bỏ, do vậy, có thể nói chưa đủ cơ sở để kết luận Môi trường pháp lý có tác động tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch.

Kết quả phân tích ANOVA với thống kê F = 16.833 và giá trị Sig. = 0.000 < 5% nên tất cả các biến có trong mô hình hồi quy là cùng có tác động lên biến phụ thuộc (Bảng 5).

Ngoài ra, các biến trong mô hình giải thích cho 66.4% thay đổi ở biến phụ thuộc. Căn cứ theo các tiêu chuẩn về sự phù hợp của mô hình có thể thấy, mô hình nghiên cứu là phù hợp ở mức độ cao cho việc giải thích hành vi của biến phụ thuộc. Phân tích hồi quy ở trên cũng cho thấy, 8 nhân tố (được coi là 8 biến số) giải thích 66.4% biến động của biến phụ thuộc (do giá trị R² = 0.664). Điều này hàm ý rằng, mức độ giải thích của mô hình - hay sự phù hợp của mô hình là cao (Bảng 6).

Như vậy, có 6 trong số 7 giả thuyết đặt ra được chấp nhận, chỉ 1 giả thuyết bị bác bỏ là nhân tố Môi trường pháp lý. Ngoài ra, do dấu của hệ số hồi quy đều dương cho thấy, nếu hoàn thiện các yếu tố của môi trường kinh doanh thì sẽ nâng cao được hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp ngành du lịch.

KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố: Môi trường văn hóa - xã hội, Môi trường tự nhiên, Môi trường chính trị, Môi trường quốc tế, Môi trường công nghệ, Môi trường kinh tế có tác động dương tới hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp ngành du lịch. Trong đó, các thành phần của môi trường kinh doanh có tác động mạnh nhất đến hiệu quả kinh doanh của doanh

ngiệp là: Môi trường văn hóa - xã hội, Môi trường tự nhiên, Môi trường chính trị và Môi trường quốc tế.

Ngoài ra, chưa có đủ cơ sở để kết luận nhân tố Môi trường pháp lý có tác động tới hiệu quả kinh doanh ngành du lịch.

Một số đề xuất

Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhằm hoàn thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp ngành du lịch, theo chúng tôi, cần lưu ý một số vấn đề như sau:

- Giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của du lịch, của tài nguyên và môi trường đối với hoạt động du lịch.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để kiểm soát các vấn đề về môi trường, nhằm quản lý và phát triển tài nguyên.

- Áp dụng biện pháp khuyến khích đối với hoạt động du lịch thân thiện môi trường, bảo vệ và phát huy giá trị tài nguyên, môi trường; đồng thời xử phạt thích đáng đối với những hoạt động làm tổn hại tài nguyên và môi trường du lịch.

- Tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong việc quản lý và vận hành các hoạt động du lịch, bao gồm: Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và thống kê du lịch; Nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Chú trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế để quy hoạch và thực hiện việc phát triển tài nguyên du lịch, xây dựng các sản phẩm du lịch.

- Tăng cường kết nối quản lý du lịch với quốc tế.

- Nâng cao nhận thức về xu thế toàn cầu hóa ngành du lịch.

- Hoàn thiện các sản phẩm du lịch để quảng bá giá trị văn hóa của mỗi địa phương. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (2012). *Báo cáo tổng hợp Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*, Nxb Lao động, Hà Nội
2. Vũ Khắc Chương (2015). *Du lịch Việt Nam trong thời kỳ toàn cầu hóa: Cơ hội và thách thức*, tham luận Hội thảo “Toàn cầu hóa du lịch và địa phương hóa du lịch”, ngày 06/03/2015, TP. Hồ Chí Minh
3. Alexander, D. and Britton, A. (2000). *Financial Reporting*, 5th ed., London: Thomas Learning Publishing
4. Adeoye, Abayomi Olarewaju (2012). Impacts of External Business Environment on Organisational Performance in the Food and Beverage Industry in Nigeria, *British Journal of Arts and Social Sciences*, ISSN: 2046-9578, 6 (2)
5. Ogundele, O. J. K. and Opeifa, A. Z. (2004). The Influence of External Political Environment on the Processes of Entrepreneurship, *The Nigerian Academic Forum: A Multidisciplinary Journal*, 7 (5), p. 7